

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về Đề án cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 30/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Công Thương tại Công văn số 1520/SCT-VP ngày 08/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi.

(Có Danh mục cụ thể kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm cập nhật lại thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tổ chức công khai và giải quyết các thủ tục hành chính đã được phê duyệt theo đúng Danh mục của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các Phòng n/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC(latin65).

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng



DANH MỤC

Thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi
theo Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn	Số ngày rút ngắn	Ghi chú
I	Lĩnh vực an toàn thực phẩm				
1	Cấp Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	22 ngày làm việc	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
2	Cấp Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	22 ngày làm việc	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (Trường hợp Giấy chứng	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn	Số ngày rút ngắn	Ghi chú
	<i>nhận bị mất hoặc bị hỏng)</i>				
4	Cấp lại Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (<i>Trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>)	22 ngày làm việc	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (<i>Trường hợp thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất</i>)	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (<i>Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng</i>)	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
7	Cấp lại Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ	22 ngày làm việc	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn	Số ngày rút ngắn	Ghi chú
	điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (<i>Trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>)				
8	Cấp lại Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (<i>Trường hợp thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và mặt hàng kinh doanh</i>)	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
9	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	13 ngày làm việc	09 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
II	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ				
10	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
11	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	18 ngày làm việc	11 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn	Số ngày rút ngắn	Ghi chú
III	Lĩnh vực kinh doanh khí				
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn	Số ngày rút ngắn	Ghi chú
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
22	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
23	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
25	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
26	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
27	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn	Số ngày rút ngắn	Ghi chú
	nhân kinh doanh mua bán CNG				
IV	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước				
30	Cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
31	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
32	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
33	Cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
34	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
35	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
36	Cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
37	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn	Số ngày rút ngắn	Ghi chú
	trên địa bàn 01 tỉnh				
38	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
39	Cấp mới Giấy phép bán buôn rượu	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
40	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu (do giấy phép đã được cấp hết thời hạn hiệu lực)	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
41	Cấp mới Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
43	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (do giấy phép đã được cấp hết thời hạn hiệu lực)	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
44	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (do giấy phép đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
45	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn	Số ngày rút ngắn	Ghi chú
46	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đối với trường hợp giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	